TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **189**/2023/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 822/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 36A/2023/QĐST-HNgiữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số X, Khu phố 1, Phường D, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã BL, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày: chị và anh Đ kết hôn năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ngày 11/6/2014.

Từ năm 2019 đến nay, chị và anh Đ thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ là người chồng không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phùng Huỳnh Khánh N1, sinh ngày 04/4/2016 và Phùng Huỳnh Khánh N2, sinh ngày 17/10/2018. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phùng Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đương sự là nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt hai bên đương sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Văn Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[1.2] Chị Huỳnh Thị Kim N có đơn xin giải quyết vắng mặt hợp lệ. Anh Phùng Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con. Vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Anh Phùng Văn Đ vắng mặt cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[2.2] Xét thấy, các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập được và trình bày của chị N thể hiện anh Đ có thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho vợ và các con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn phát sinh dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay mà không có biện pháp nào hàn gắn.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là không thể hàn gắn vì anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Đ.

[2.3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phùng Huỳnh Khánh N1, sinh ngày 04/4/2016 và Phùng Huỳnh Khánh N2, sinh ngày 17/10/2018. Các con hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Khánh N có nguyện vọng được ở với mẹ, cho nên để các cháu có cuộc sống ổn định và thuận tiện cho việc chăm sóc của mẹ đối với trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu Khánh N1 và Khánh N2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 238, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Phùng Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Phùng Huỳnh Khánh Như, sinh ngày 04/4/2016 và Phùng Huỳnh Khánh Nhi, sinh ngày 17/10/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung**:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021195 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên chị đã thi hành xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Châu Thành;
-UBND xã Bàn Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên